

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ, về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-NHNN ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn các tổ chức tín dụng cho vay có bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BTC ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Thông tư số 57/2019/TT-BTC ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế xử lý rủi ro của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 11 về việc thông qua Đề án thành lập Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 1230/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Đắk Lắk;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 237/TTr-STC ngày 22 tháng 7 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa Đắk Lắk, gồm 08 Chương và 49 Điều (chi tiết kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch, Giám đốc Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa Đắk Lắk; Giám đốc các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, TP;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT (Y_30b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa Đắk Lắk

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2070/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 của UBND tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Bảo lãnh tín dụng” là cam kết của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là Quỹ) với tổ chức cho vay về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho bên được bảo lãnh nếu đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với bên nhận bảo lãnh được quy định tại hợp đồng bảo lãnh tín dụng và quy định của pháp luật. Bên được bảo lãnh phải nhận nợ và hoàn trả cho Quỹ số tiền đã được Quỹ trả nợ thay.
2. “Bên bảo lãnh” là Quỹ được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định tại Điều lệ này.
3. “Bên được bảo lãnh” là đối tượng quy định tại Điều 16 của Điều lệ này được Quỹ cấp bảo lãnh tín dụng.
4. “Bên nhận bảo lãnh” là các tổ chức cho vay theo quy định của pháp luật, thực hiện cấp tín dụng cho bên được bảo lãnh.
5. “Tổ chức cho vay” là các tổ chức tín dụng và các quỹ tài chính Nhà nước có chức năng cho vay theo quy định của pháp luật.
6. “Hợp đồng bảo lãnh tín dụng” là thỏa thuận bằng văn bản giữa 02 bên gồm: Bên bảo lãnh và bên được bảo lãnh hoặc 03 bên, gồm: Bên bảo lãnh, bên nhận bảo lãnh và bên được bảo lãnh về việc bên bảo lãnh sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho bên được bảo lãnh khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với bên nhận bảo lãnh.
7. “Chứng thư bảo lãnh tín dụng” là cam kết bằng văn bản của bên bảo lãnh với bên nhận bảo lãnh về việc sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bên được bảo lãnh khi bên được bảo lãnh không trả hoặc trả không đầy đủ, đúng hạn nợ vay đã cam kết với bên nhận bảo lãnh theo quy định tại hợp đồng bảo lãnh.
8. “Nghĩa vụ trả nợ gốc” là khoản nợ gốc đến kỳ hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng hoặc theo hợp đồng tín dụng điều chỉnh thuộc phạm vi bảo lãnh của bên bảo lãnh mà bên được bảo lãnh không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ

theo nghĩa vụ nợ đã cam kết và khoản nợ này đủ điều kiện để bên bảo lãnh trả nợ thay theo quy định tại Hợp đồng bảo lãnh tín dụng và Điều lệ này.

9. “Khách hàng” là doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại tổ chức cho vay và được Quỹ bảo lãnh.

10. “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân theo quy định tại Khoản 28, Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Luật các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

11. “Vốn điều lệ thực có” là số vốn điều lệ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (sau đây viết tắt là UBND tỉnh) thực cấp cho Quỹ theo quy định tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây viết tắt là Nghị định số 34/2018/NĐ-CP) và được phản ánh trên sổ kế toán của Quỹ.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và hoạt động của Quỹ.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa Đắk Lắk.
- b) Các tổ chức cho vay theo quy định tại Điều lệ này.
- c) Các đối tượng được cấp bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Điều lệ này.
- d) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện Điều lệ này.

Điều 3. Tên gọi, trụ sở, thời gian hoạt động

1. Tên gọi của Quỹ:

- a) Tên gọi đầy đủ: Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa Đắk Lắk.
- b) Tên giao dịch quốc tế: Dak Lak Credit Guarantee Fund for Small and Medium-sized Enterprises
- c) Tên viết tắt tiếng Anh: DLCGF

2. Địa chỉ trụ sở chính: Tại Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk, số 13 đường Quang Trung, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

3. Điện thoại, trang thông tin điện tử

- a) Điện thoại: 02626.515.333.
 - b) Trang thông tin điện tử: <http://www.dldif.vn>.
4. Thời gian hoạt động: Theo quy định pháp luật.

Điều 4. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và đại diện theo pháp luật

1. Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa Đắk Lắk là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do UBND tỉnh thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; thực hiện chức năng cấp bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây viết tắt là DNNVV) theo quy định tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

2. Quỹ hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

3. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có báo cáo tài chính riêng, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

4. Quỹ có thu nhập từ hoạt động do thực hiện nhiệm vụ bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP, được miễn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp, Quỹ có thu nhập từ hoạt động khác ngoài hoạt động bảo lãnh tín dụng thì phải nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

5. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ là Giám đốc.

Điều 5. Chức năng, phạm vi hoạt động của Quỹ

1. Chức năng:

Quỹ là cầu nối giữa doanh nghiệp và các tổ chức tín dụng, Quỹ tài chính nhà nước có chức năng cho vay theo quy định của pháp luật; hỗ trợ cho các DNNVV tiếp cận nguồn vốn của các ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô và Quỹ tín dụng nhân dân.

2. Phạm vi hoạt động: Quỹ hoạt động trong địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ

1. Hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, bảo đảm an toàn vốn.

2. Chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của mình.

3. Chỉ được thực hiện cấp bảo lãnh tín dụng đối với các khoản vay đúng đối tượng và đủ điều kiện bảo lãnh theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

4. Ưu tiên thực hiện bảo lãnh tín dụng đối với các DNNVV thuộc các lĩnh vực, ngành nghề ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội do UBND tỉnh ban hành trong từng thời kỳ.

Điều 7. Nguồn vốn hoạt động

1. Vốn hoạt động của Quỹ được hình thành từ các nguồn sau:

a) Vốn chủ sở hữu:

- Vốn điều lệ thực có tối thiểu tại thời điểm thành lập Quỹ là 100 tỷ đồng (Một trăm tỷ đồng), do ngân sách tỉnh cấp từ nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn.

- Vốn bổ sung từ kết quả hoạt động của Quỹ theo quy định.

- Vốn hình thành từ các khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp không phải hoàn trả của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước dành cho Quỹ.

- Vốn nhà nước khác theo quy định của pháp luật;

- Các nguồn vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

b) Vốn huy động: Vốn huy động từ các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Quỹ, bảo đảm phù hợp với khả năng hoàn trả của Quỹ.

c) Các khoản vốn khác, gồm:

- Vốn nhận ủy thác của chính quyền địa phương, các quỹ tài chính địa phương, các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước (bên ủy thác) để thực hiện yêu cầu của bên nhận ủy thác theo quy định của pháp luật và Nghị định số 34/2018/NĐ-CP;

- Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Định hướng năm đầu tiên đi vào hoạt động (năm 2021), vốn hoạt động của Quỹ là từ nguồn vốn điều lệ 100 tỷ đồng do ngân sách tỉnh cấp ban đầu từ nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn. Các năm tiếp theo, nguồn vốn hoạt động sẽ được bổ sung từ kết quả hoạt động của Quỹ; các khoản tài trợ, viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân; vốn huy động từ các tổ chức tài chính, tín dụng; vốn nhà nước khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ

1. Trách nhiệm của Quỹ:

a) Thực hiện cấp bảo lãnh tín dụng cho DNNVV theo đúng đối tượng và đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

b) Sử dụng vốn đúng mục đích để thực hiện bảo lãnh tín dụng cho DNNVV;

c) Thực hiện chế độ kế toán, thống kê và báo cáo tài chính theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

d) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

đ) Cung cấp số liệu, công bố công khai về quy chế hoạt động, cơ chế tài chính, kế hoạch tài chính, kết quả hoạt động của Quỹ và báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán theo quy định;

e) Mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm rủi ro hoạt động bảo lãnh tín dụng và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật để đảm bảo an toàn cho Quỹ;

g) Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước và các quy định khác có liên quan.

2. Quyền hạn của Quỹ:

- a) Tổ chức và hoạt động phù hợp với Điều lệ này và pháp luật có liên quan;
- b) Được lựa chọn các dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh khả thi, có hiệu quả, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để quyết định cấp bảo lãnh tín dụng;
- c) Được tuyển chọn, bố trí, sử dụng, đào tạo lao động và sử dụng lao động theo quy định của Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan;
- d) Được từ chối mọi yêu cầu của bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào về việc cung cấp thông tin và các nguồn lực của Quỹ nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và trái với Điều lệ này.

Điều 9. Trách nhiệm của UBND tỉnh

1. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể và phá sản Quỹ theo quy định tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.
2. Cấp đủ vốn điều lệ cho Quỹ theo quy định tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP và quyết định điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của Quỹ.
3. Ban hành, sửa đổi và bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; tuân thủ các quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.
4. Quy định về chế độ tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh quản lý Quỹ.
5. Ban hành Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Quỹ.
6. Thanh tra, kiểm tra, giám sát toàn diện đối với hoạt động của Quỹ.
7. Báo cáo định kỳ hàng năm và đột xuất với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về kết quả và tình hình hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP (trên cơ sở tham mưu của Sở Tài chính).
8. Kiến nghị những giải pháp tháo gỡ khó khăn trong hoạt động của Quỹ; kiến nghị bổ sung, sửa đổi cơ chế chính sách cho hoạt động của Quỹ.
9. Hàng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh (viết tắt là HĐND tỉnh) về kết quả hoạt động của Quỹ, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ theo thẩm quyền.
10. Các nội dung khác thuộc trách nhiệm của UBND tỉnh theo quy định tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP và các quy định của pháp luật liên quan.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA QUỸ

Điều 10. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Quỹ

1. Chủ tịch Quỹ: Do 01 Phó Chủ tịch UBND tỉnh kiêm nhiệm;
2. Kiểm soát viên: Do 01 cán bộ công chức Sở Tài chính kiêm nhiệm;
3. Ban điều hành, gồm: Giám đốc Quỹ do lãnh đạo Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk kiêm nhiệm; Phó Giám đốc Quỹ do lãnh đạo Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk kiêm nhiệm; Kế toán trưởng do cán bộ Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk kiêm nhiệm. Quỹ thực hiện theo mô hình ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk tổ chức quản lý, điều hành hoạt động nên không thành lập bộ máy giúp việc mà do các bộ phận nghiệp vụ của Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk (Đơn vị nhận ủy thác) thực hiện.

Điều 11. Chủ tịch Quỹ

1. Chủ tịch Quỹ là 01 Phó Chủ tịch UBND tỉnh kiêm nhiệm, do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm.
2. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm Chủ tịch Quỹ
 - a) Là công dân Việt Nam theo quy định của pháp luật;
 - b) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ;
 - c) Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 05 năm là người quản lý, điều hành trong các lĩnh vực về kinh tế, tài chính, ngân hàng, luật, kế toán, kiểm toán, chứng khoán, bảo hiểm;
 - d) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ.
 - đ) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý cán bộ của Tỉnh ủy và UBND tỉnh;
 - e) Trường hợp đặc biệt do UBND tỉnh quyết định.
3. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Quỹ:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm, trung và dài hạn của Quỹ sau khi có ý kiến chấp thuận của UBND tỉnh;
 - b) Quyết định phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hàng năm của Quỹ sau khi có ý kiến thẩm định của Kiểm soát viên và ý kiến chấp thuận của UBND tỉnh;
 - c) Quyết định phương án tổ chức hoạt động, biên chế, tổ chức bộ máy quản lý Quỹ theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật liên quan sau khi được UBND tỉnh chấp thuận về chủ trương;

d) Quyết định ban hành các Quy chế cấp bảo lãnh tín dụng; Quy chế quản lý tài chính và huy động vốn; Quy chế quản lý và sử dụng các quỹ; Quy chế xử lý rủi ro và các văn bản quản lý nội bộ theo Điều lệ này và pháp luật liên quan sau khi được UBND tỉnh phê duyệt.

đ) Quyết định hoặc ủy quyền cho Giám đốc Quỹ quyết định phương án huy động vốn, đầu tư, xây dựng, mua bán tài sản cố định và các hoạt động khác theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

e) Thực hiện các quyền hạn và trách nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của UBND tỉnh và theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Kiểm soát viên Quỹ

1. Kiểm soát viên là 01 công chức Sở Tài chính kiêm nhiệm, do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm để giúp UBND tỉnh kiểm soát việc tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý, điều hành của Chủ tịch, Giám đốc Quỹ và các nội dung khác có liên quan.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm Kiểm soát viên:

- a) Là công dân Việt Nam theo quy định của pháp luật;
- b) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ;
- c) Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 03 năm là người quản lý, điều hành trong các lĩnh vực về kinh tế, tài chính, ngân hàng, luật, kế toán, kiểm toán, chứng khoán, bảo hiểm.

d) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ.

đ) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý cán bộ của Tỉnh ủy và UBND tỉnh;

3. Chế độ hoạt động, trách nhiệm và quyền hạn, việc bổ nhiệm của Kiểm soát viên Quỹ, mối quan hệ giữa Kiểm soát viên với các tổ chức, cá nhân có liên quan và các nội dung khác thực hiện theo Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên do UBND tỉnh ban hành.

Điều 13. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là lãnh đạo Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk kiêm nhiệm, việc bổ nhiệm Giám đốc Quỹ theo quy định của pháp luật.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm Giám đốc Quỹ:

- a) Là công dân Việt Nam theo quy định của pháp luật;
- b) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ;

c) Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 05 năm là người quản lý, điều hành trong các lĩnh vực về kinh tế, tài chính, ngân hàng, luật, kế toán, kiểm toán, chứng khoán, bảo hiểm;

d) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Kiểm soát viên, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và thủ quỹ của Quỹ.

đ) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý cán bộ của Tỉnh ủy và UBND tỉnh;

e) Trường hợp đặc biệt do UBND tỉnh quyết định.

3. Quyền hạn và trách nhiệm của Giám đốc Quỹ

a) Tổ chức điều hành mọi hoạt động của Quỹ; thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện các quyết định của Chủ tịch Quỹ và UBND tỉnh;

b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Quỹ; quyết định phương án đầu tư, huy động vốn, sử dụng vốn, phương án mua, bán, cho thuê, thanh lý tài sản và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

c) Đề xuất, xây dựng trình Chủ tịch Quỹ quyết định theo thẩm quyền về chiến lược hoạt động, kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính dài hạn, trung hạn và kế hoạch hàng năm, kế hoạch nhân sự, tiền lương của Quỹ theo quy định; tổ chức thực hiện các kế hoạch này sau khi được các cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Ban hành các văn bản quản lý nội bộ và các quy định khác liên quan đến hoạt động của Quỹ theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

đ) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo yêu cầu quản lý của Chủ tịch Quỹ và UBND tỉnh.

Điều 14. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc

1. Phó Giám đốc Quỹ

a) Phó Giám đốc Quỹ là lãnh đạo Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk kiêm nhiệm, việc bổ nhiệm Phó Giám đốc Quỹ theo quy định của pháp luật; giúp Giám đốc điều hành Quỹ theo phân công và ủy quyền của Giám đốc Quỹ; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

b) Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm Phó giám đốc Quỹ:

- Là công dân Việt Nam theo quy định của pháp luật;

- Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ;

- Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 03 năm là người quản lý, điều hành trong các lĩnh vực về kinh tế, tài chính, ngân hàng, luật, kế toán, kiểm toán, chứng khoán, bảo hiểm.

- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ.

- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý cán bộ của Tỉnh ủy và UBND tỉnh;

2. Kế toán trưởng Quỹ

a) Kế toán trưởng Quỹ là cán bộ Quỹ Đầu phát triển Đắk Lắk kiêm nhiệm, việc bổ nhiệm Kế toán trưởng Quỹ theo quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê của Quỹ theo phân công và ủy quyền của Giám đốc và phù hợp với quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan; giúp Giám đốc Quỹ giám sát hoạt động tài chính của Quỹ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch, Giám đốc Quỹ và pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền;

b) Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm Kế toán trưởng.

- Là công dân Việt Nam theo quy định của pháp luật;

- Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ;

- Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 03 năm là người quản lý, điều hành trong các lĩnh vực về kinh tế, tài chính, ngân hàng, luật, kế toán, kiểm toán, chứng khoán, bảo hiểm.

- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc và thủ quỹ của Quỹ.

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 53, Điều 54 Luật Kế toán năm 2015.

- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý cán bộ của Tỉnh ủy và UBND tỉnh.

3. Bộ máy giúp việc của Quỹ: Trong thời gian ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk, Quỹ không thành lập bộ máy giúp việc mà do các bộ phận nghiệp vụ của Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk (đơn vị nhận ủy thác) thực hiện.

Điều 15. Chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng

Chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động, Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên của Quỹ thực hiện theo Điều 42 Nghị định số 34/2018/NĐ-CP; Thông tư số 04/2019/TT-BLĐTBXH ngày 21/01/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 16. Đối tượng được cấp bảo lãnh tín dụng

1. Đối tượng được Quỹ cấp bảo lãnh tín dụng là các DNNVV theo quy định của Luật Hỗ trợ DNNVV và các văn bản hướng dẫn có liên quan; có tiềm năng phát triển nhưng chưa đủ điều kiện tiếp cận tín dụng ngân hàng ở các lĩnh vực, ngành, nghề ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội do UBND tỉnh ban hành trong từng thời kỳ.

2. Căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng thời kỳ, Quỹ tham mưu UBND tỉnh ban hành danh mục cụ thể các ngành, nghề, lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương trong từng thời kỳ được Quỹ ưu tiên xem xét cấp bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 17. Điều kiện để được cấp bảo lãnh tín dụng

Các đối tượng được bảo lãnh tín dụng quy định tại Điều 16 Điều lệ này chỉ được Quỹ xem xét cấp bảo lãnh tín dụng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Có dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có khả năng hoàn trả vốn vay;

2. Dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh được Quỹ thẩm định và quyết định bảo lãnh theo quy định tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan;

3. Có phương án về vốn chủ sở hữu tối thiểu 20% tham gia dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh tại thời điểm Quỹ thẩm định để xem xét cấp bảo lãnh;

4. Tại thời điểm đề nghị bảo lãnh, doanh nghiệp không có các khoản nợ thuế từ 01 năm trở lên theo Luật quản lý thuế và nợ xấu tại các tổ chức tín dụng. Trường hợp nợ thuế do nguyên nhân khách quan, doanh nghiệp phải có xác nhận của cơ quan quản lý thuế trực tiếp;

5. Có biện pháp bảo đảm cho bảo lãnh vay vốn theo quy định tại Điều 26 Điều lệ này.

Điều 18. Phạm vi bảo lãnh tín dụng

1. Quỹ xem xét cấp bảo lãnh tín dụng cho DNNVV tối đa bằng 100% giá trị khoản vay (bao gồm cả vốn lưu động và vốn trung, dài hạn) tại tổ chức cho vay. Căn cứ vào tính khả thi, mức độ rủi ro của doanh nghiệp, dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh và khả năng tài chính của Quỹ; Quỹ xem xét, quyết định cụ thể mức bảo lãnh cho doanh nghiệp.

2. Bảo lãnh của Quỹ bao gồm một trong các trường hợp sau đây:

a) Bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ gốc khoản vay của bên được bảo lãnh tại các tổ chức cho vay;

b) Bảo lãnh nghĩa vụ trả lãi khoản vay của bên được bảo lãnh tại các tổ chức cho vay;

c) Bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi khoản vay của bên được bảo lãnh tại các tổ chức cho vay.

3. Căn cứ vào khả năng tài chính, quản trị điều hành của Quỹ, tính khả thi và mức độ rủi ro của dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh; Quỹ xem xét, quyết định phạm vi bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Khoản 2 Điều này và phải được quy định cụ thể tại hợp đồng bảo lãnh tín dụng.

Điều 19. Thời hạn cấp bảo lãnh tín dụng

1. Thời hạn cấp bảo lãnh tín dụng của Quỹ được xác định phù hợp với thời hạn vay vốn đã thỏa thuận giữa các bên được bảo lãnh và bên nhận bảo lãnh tại hợp đồng tín dụng và được quy định rõ trong hợp đồng bảo lãnh tín dụng, chứng thư bảo lãnh ký kết giữa các bên liên quan theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Trong thời hạn cấp bảo lãnh, khách hàng không đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn là DNNVV theo quy định của pháp luật thì Quỹ tiếp tục cấp bảo lãnh tín dụng cho khách hàng theo hợp đồng bảo lãnh tín dụng đã ký với bên được bảo lãnh cho đến khi hết thời hạn bảo lãnh theo hợp đồng.

Điều 20. Đồng tiền và giới hạn cấp bảo lãnh tín dụng

1. Đồng tiền bảo lãnh tín dụng là đồng Việt Nam (VND).

2. Giới hạn bảo lãnh vay vốn đầu tư: Tổng mức bảo lãnh tín dụng của Quỹ tính trên vốn điều lệ thực có của Quỹ không vượt quá 15% đối với một khách hàng và không vượt quá 20% đối với một khách hàng và người có liên quan.

3. Giới hạn bảo lãnh vay vốn lưu động: Ngoài quy định về giới hạn bảo lãnh vay vốn tại Khoản 2 Điều này, giới hạn bảo lãnh vay vốn lưu động của Quỹ tối đa không vượt quá vốn chủ sở hữu của khách hàng thể hiện tại báo cáo tài chính của doanh nghiệp nộp cho cơ quan quản lý thuế của năm trước liền kề.

4. Tổng mức bảo lãnh tín dụng của Quỹ cho các bên được bảo lãnh quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này tối đa không vượt quá 03 lần vốn điều lệ thực có của Quỹ.

Điều 21. Chi phí hoạt động bảo lãnh tín dụng

1. Các chi phí liên quan đến hoạt động bảo lãnh tín dụng bao gồm:

a) Chi phí thẩm định hồ sơ bảo lãnh tín dụng khách hàng trả cho Quỹ cùng với hồ sơ đề nghị bảo lãnh tín dụng;

b) Chi phí bảo lãnh tín dụng tính trên số tiền được bảo lãnh và thời hạn bảo lãnh. Thời hạn thu phí bảo lãnh tín dụng được ghi trong hợp đồng bảo lãnh theo thỏa thuận giữa Quỹ và bên được bảo lãnh, phù hợp với thời hạn bảo lãnh tín dụng.